

PHONG TRÀO GIẢI PHÓNG DÂN TỘC

TỪ 9/1939 ĐẾN 3/1945

1. Chiến tranh thế giới II bùng nổ và sự chuyển hướng chiến lược của Đảng

1.1. Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ và chính sách của thực dân Pháp

Ngày 01/9/1939, Đức tấn công Ba Lan mở đầu cho cuộc chiến tranh thế giới thứ hai.

Ngày 3/9/1939, Anh, Pháp tuyên chiến với Đức, Pháp chính thức lâm chiến. Ngay sau khi chiến tranh bùng nổ, Mặt trận nhân dân Pháp tan vỡ, Đảng cộng sản Pháp bị đặt ngoài vòng pháp luật.

Ở Đông Dương, chính quyền thực dân Pháp ra lệnh cấm tuyên truyền cộng sản, giải tán các tổ chức chính trị và đóng cửa các tờ báo tiến bộ, tiến hành khám xét và bắt giam hàng nghìn đảng viên Đảng cộng sản Đông Dương. Đồng thời, chúng còn vơ vét, bóc lột nhân dân Đông Dương và ra lệnh tổng động viên nhằm bắt thanh niên Việt Nam đưa sang Pháp tham gia chiến tranh.

Những chính sách đó đã làm cho mâu thuẫn giữa nhân dân Việt Nam với thực dân Pháp lên cao và đòi hỏi Đảng ta phải thay đổi sách lược đấu tranh cho phù hợp.

1.2. Hội nghị TW 6 (11/1939) và chủ trương chuyển hướng chiến lược của Đảng

Trước sự thay đổi của tình hình thế giới và trong nước trong giai đoạn chiến tranh mới bùng nổ, Trung ương Đảng đã nhanh chóng ra chỉ thị rút vào hoạt động bí mật và tạm đình chỉ các cuộc biểu tình để bảo toàn lực lượng.

Ngày 6/11/1939, Hội nghị lần thứ 6 của Ban chấp hành Trung ương Đảng do Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ chủ trì đã diễn ra tại Bà Điểm – Hóc Môn.

Hội nghị nhận định: Chế độ cai trị ở Đông Dương sẽ trở thành chế độ phát xít tàn bạo, các tầng lớp, giai cấp trong xã hội Đông Dương đều bị chính sách của chính quyền thực dân làm điêu đứng, mâu thuẫn giữa mọi tầng lớp nhân dân Việt Nam với chính quyền thực dân sẽ trở nên gay gắt, đẩy tinh thần chống đế quốc, giải phóng dân tộc lên cao.

Hội nghị xác định nhiệm vụ, mục tiêu đấu tranh trước mắt là: đánh đổ đế quốc tay sai, giải phóng các dân tộc Đông Dương làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập.

Hội nghị chủ trương:

+ Tạm gác lại khẩu hiệu cách mạng ruộng đất, thay vào đó là khẩu hiệu chống địa tô cao, tịch thu ruộng đất của thực dân đế quốc và địa chủ tay sai chia cho dân cày nghèo.

+ Thay khẩu hiệu “Thành lập chính quyền Xô Viết công nông” bằng khẩu hiệu “Chính phủ cộng hòa dân chủ”.

+ Đưa ra chủ trương thành lập Mặt trận dân tộc thống nhất phản đế Đông Dương thay cho Mặt trận dân chủ Đông Dương.

Về phương pháp đấu tranh: Đảng chuyển từ đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ sang đánh đổ chính quyền của đế quốc và tay sai; từ hoạt động hợp pháp nửa hợp pháp sang hoạt động bí mật và bất hợp pháp.

Hội nghị còn khẳng định: chiến tranh đế quốc và họa phát xít sẽ làm cho nhân dân phần uất và cách mạng sẽ bùng nổ.

1.3. Ý nghĩa lịch sử

Hội nghị đã đánh dấu sự mở đầu cho việc thay đổi chủ trương chiến lược của Đảng: giương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc, tăng cường mặt trận dân tộc thống nhất.

Thể hiện sự nhạy bén và sáng tạo của Đảng trong việc nắm bắt tình hình, kịp thời tập hợp sức mạnh toàn dân tộc, mở đường đi tới thắng lợi của cuộc cách mạng tháng Tám năm 1945.

2. Những cuộc đấu tranh mở đầu thời kỳ mới

2.1. Tình cảnh của thực dân Pháp ở Đông Dương sau năm đầu tiên của cuộc chiến tranh thế giới thứ hai

Tháng 6/1940, Chính phủ Pháp đầu hàng phát xít Đức => Thực dân Pháp ở Đông Dương bị yếu thế.

Ở Viễn Đông, phát xít Nhật tiến sát biên giới Việt – Trung và giúp Xiêm gây xung đột ở biên giới Lào và Campuchia, uy hiếp thực dân Pháp ở

Đông Dương. Đồng thời ở trong nước, phong trào cách mạng của nhân dân Đông Dương đang đe dọa trực tiếp đến thực dân Pháp.

Thực dân Pháp phải đối mặt cùng một lúc hai nguy cơ: bị tiêu diệt bởi lực lượng cách mạng Đông Dương và bị phát xít Nhật hất cẳng.

Để đối phó, chúng đã một mặt thỏa hiệp với phát xít Nhật: 6/1940, Nhật buộc Pháp đóng cửa biên giới Việt – Trung; tháng 8/1940, Pháp kí hiệp ước chấp nhận cho Nhật nhiều đặc quyền ở Đông Dương; tháng 9/1940, cho Nhật dùng 3 sân bay ở Bắc Kỳ (Gia Lâm, Cát Bi và Phủ Lạng Thương) và sử dụng các con đường ở Bắc kỳ để chuyển quân vào Trung Quốc.

Mặt khác chúng đã thực hiện chính sách bắt lính, đàn áp, khủng bố cách mạng, tăng cường áp bức, bóc lột nhân dân Đông Dương để tạo sức mạnh đối phó với phát xít Nhật.

=> Nhân dân ta sống trong cảnh bần cùng, ngột ngạt, đẩy tinh thần cách mạng lên cao và đã làm bùng nổ một số cuộc khởi nghĩa.

2.2. Những cuộc đấu tranh đầu tiên

2.2.1. Khởi nghĩa Bắc Sơn (27/9/1940)

* Nguyên nhân

- Ngày 22/9/1940, Nhật đánh vào Lạng Sơn, Pháp thua và rút lui qua Châu Bắc Sơn. Nhân cơ hội đó, Đảng bộ địa phương đã lãnh đạo nhân dân Bắc Sơn khởi nghĩa.

* Diễn biến và kết quả

Nhân dân Bắc Sơn đã tước khí giới tàn quân Pháp để tự vũ trang, giải tán chính quyền địch, thành lập chính quyền cách mạng.

Sau đó, được sự thỏa hiệp của Nhật, thực dân Pháp đã quay trở lại đàn áp cuộc khởi nghĩa rất tàn khốc.

Đảng bộ ở Bắc Sơn đã lãnh đạo nhân dân đấu tranh quyết liệt chống khủng bố, xây dựng căn cứ quân sự và thành lập đội du kích Bắc Sơn để kháng chiến.

Ngày 20/10/1940, thực dân Pháp đánh úp lực lượng cách mạng ở căn cứ Vũ Lăng làm nghĩa quân tan vỡ. Đội du kích Bắc Sơn phải rút vào vùng rừng núi để củng cố lực lượng.

* Ý nghĩa

Cuộc khởi nghĩa tuy thất bại nhưng đã để lại nhiều bài học về khởi nghĩa vũ trang cho Đảng. Đặc biệt, trong cuộc khởi nghĩa, đội du kích Bắc Sơn được thành lập – Đây là lực lượng vũ trang cách mạng đầu tiên của ta.

2.1.2. Khởi nghĩa Nam kỳ (23/ 11/ 1940)

* Nguyên nhân

Tháng 11/1940, quân phiệt Xiêm đã khiêu khích và gây xung đột dọc đường biên giới Lào và Campuchia. Thực dân Pháp đã đưa binh lính người Việt và người Cao Miên sang làm bia đỡ đạn chết thay cho chúng. Sự việc này làm cho nhân dân Nam kỳ rất bất bình.

Trước hoàn cảnh đó, Đảng bộ Nam kỳ đã quyết định chuẩn bị phát động

khởi nghĩa và cử đại diện ra xin chỉ thị của Trung ương. Trung ương quyết định đình chỉ cuộc khởi nghĩa.

* Diễn biến và kết quả

Người mang chỉ thị của Trung ương về đến Sài Gòn thì bị địch bắt. Do đó, Xứ ủy không biết và phát hành lệnh khởi nghĩa vào đêm 22 rạng ngày 23/11/1940.

Nắm được kế hoạch của ta, thực dân Pháp đã ra “thiết quân luật”, ra lệnh giới nghiêm và bủa lưới sẵn lòng các chiến sĩ cách mạng.

Theo kế hoạch đã định, đêm 22 rạng sáng 23/11/1940, cuộc khởi nghĩa đã nổ ra ở hầu khắp các tỉnh Nam kỳ, triệt hạ nhiều đồn bốt giặc, lập được chính quyền ở nhiều vùng thuộc Mỹ Tho, Gia Định, Bạc Liêu. Trong cuộc khởi nghĩa, lá cờ đỏ sao vàng lần đầu tiên xuất hiện.

Pháp đàn áp cuộc khởi nghĩa vô cùng tàn khốc, lực lượng cách mạng Nam kỳ bị thiệt hại nặng nề, một số cán bộ ưu tú của Đảng như: Nguyễn Văn Cừ, Nguyễn Thị Minh Khai... bị địch sát hại. Lực lượng còn lại phải rút về Đồng Tháp Mười và U Minh để củng cố lực lượng.

2.2.3. Cuộc binh biến Đô Lương (13/1/1941)

* Nguyên nhân

Pháp bắt binh lính người Việt ở Nghệ An sang Lào đánh nhau với quân Xiêm. Trước sự tác động mạnh mẽ của các cuộc khởi nghĩa trong năm 1940, những binh lính người Việt trong quân đội Pháp ở đây đã bí mật chuẩn bị nổi dậy chống lại quân đội Pháp.

* Diễn biến và kết quả

Ngày 13/01/1941, Đội Cung (Nguyễn Văn Cung) đã chỉ huy binh lính ở đồn Chợ Rạng nổi dậy. Tối hôm đó, họ đánh chiếm đồn Đô Lương rồi kéo về Vinh định phối hợp với binh lính ở đây chiếm thành.

Thực dân Pháp đã kịp thời đối phó, ngày 11/02/1941, Đội Cung bị bắt, cuộc binh biến thất bại.

Ngày 24/4/1941, Đội Cung cùng 10 đồng chí của ông bị bắt và xử tử.

2.2.4. Ý nghĩa và bài học của ba sự kiện trên

Ba cuộc khởi nghĩa trên thất bại là do kẻ thù còn quá mạnh, lực lượng cách mạng chưa được tổ chức và chuẩn bị đầy đủ.

Tuy vậy, ba cuộc khởi nghĩa vẫn có ý nghĩa to lớn:

Nêu cao tinh thần anh dũng, bất khuất của dân tộc Việt Nam.

Đó là tiếng sấm báo hiệu cho cuộc khởi nghĩa toàn quốc, là bước đầu đấu tranh bằng vũ lực của các dân tộc Đông Dương.

Để lại cho Đảng những bài học kinh nghiệm quý báu về chuẩn bị lực lượng và xác định thời cơ cách mạng, phục vụ cho việc lãnh đạo cuộc khởi nghĩa tháng Tám sau này.

3. Tình hình Đông Dương sau khi Nhật nhảy vào

3.1. Pháp câu kết với phát xít Nhật để bóc lột nhân dân Đông Dương

Trong thế bị suy yếu, thực dân Pháp đã chấp nhận nhượng bộ phát xít Nhật để duy trì quyền lợi của mình. Đồng thời Nhật cũng muốn tạm thời sử dụng bộ máy thống trị của Pháp để bóc lột nhân dân Đông Dương:

Ngày 23/7/1941, Pháp kí với Nhật hiệp ước phòng thủ chung Đông Dương, cho Nhật có quyền đóng quân trên toàn cõi Đông Dương.

Ngày 29/7/1941, Pháp đồng ý cho Nhật sử dụng tất cả các sân bay và cửa biển của Đông Dương vào mục đích quân sự.

Ngày 7/12/1941, Nhật lại buộc Pháp kí hiệp ước cam kết cung cấp lương thực, bố trí doanh trại...cho quân Nhật.

Pháp chấp nhận “mở cửa” cho các công ty của Nhật tự do đầu tư vào Đông Dương.

3.1.1. Những thủ đoạn bóc lột của Nhật

Sau khi buộc Pháp phải nhượng bộ, các công ty tư bản của Nhật bắt đầu đẩy mạnh đầu tư vào Đông Dương để khai thác nguồn tài nguyên và thị trường Đông Dương.

Mặt khác, Nhật gián tiếp bóc lột nhân dân ta bằng cách buộc Pháp phải cung cấp các nhu yếu phẩm (gạo, ngô,...) cho chúng, bắt dân ta phải nhổ lúa để trồng đay và thầu dầu...